

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-02-2021

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngõ Minh Luận

2. Bà Trần Ngọc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử công khai vụ án thụ lý số 1098/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1973; thường trú: 11/12 khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh B, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lâm Phú X – Luật sư văn phòng Luật sư Phú X, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1983; thường trú: Thôn Phú T, xã P, huyện B, tỉnh T; tạm trú: 11/12 khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị Ch tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương vào ngày 31/8/2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2017. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C yêu cầu được ly hôn với bà Ch.

Về con chung: Ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị Ch có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 19/8/2017. Sau khi ly hôn, ông C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông C không yêu cầu bà Ch phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có văn bản trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị Ch phát sinh mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau, ông C và bà Ch đã ly thân với nhau, không thể hàn gắn đoàn tụ được. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Xuân C đối với bà Nguyễn Thị Ch.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ch thường xuyên đánh đập, ngược đãi cháu Nguyễn Thị Kim T, đã bị cơ quan chức năng lập biên bản sự việc, ngoài ra bà Ch còn đưa cháu T cùng đi buôn bán ngoài đường ảnh hưởng sức khỏe của cháu. Ông C có công việc kinh doanh thớt gỗ, có cơ sở kinh doanh tại nhà, thu nhập ổn định hơn bà Ch. Hằng ngày, ông C là người đưa đón cháu T đi học và chăm lo mọi mặt cho cháu T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Kim T cho ông Nguyễn Xuân C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ch đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà Ch không đến Tòa án làm việc, không tham gia các buổi hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu

của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Xuân C khởi kiện bà Nguyễn Thị Ch yêu cầu ly hôn, bà Ch hiện đang cư trú tại địa chỉ 11/12 khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh B. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Ch theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà Ch không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bà Ch trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị Ch tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố T, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2017 vào ngày 31/8/2017, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, ông C xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc nên ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Ch.

Tại biên bản xác minh ngày 31 tháng 12 năm 2020 địa phương cung cấp ông C và bà Ch thường xảy ra mâu thuẫn, hay cãi nhau, ông C nhiều lần trình báo địa phương. Chứng cứ ông C cung cấp thể hiện vào tháng 5/2020 ông C đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Ch nhưng sau đó ông đã rút đơn về để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ với nhau, nhưng đến nay quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà Ch vẫn không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân với nhau.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà Ch không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án nhiều lần triệu tập bà Ch tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà Ch vắng mặt thể

hiện thái độ không muốn hòa giải. Mặt khác, ông C xác định không còn tình cảm với bà Ch nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông C về việc ly hôn với bà Ch.

Về con chung: Ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị Ch có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 19/8/2017. Sau khi ly hôn, ông C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Theo kết quả xác minh ngày 18 tháng 01 năm 2021 địa phương cung cấp hiện nay cháu T đang được gửi học ở cơ sở giữ trẻ tại địa chỉ 171/1C, Tổ 26 khu phố L, phường L, thành phố T, tỉnh B. Hằng ngày ông Nguyễn Xuân C là người đưa và đón cháu T đi học, mọi vấn đề liên quan đến cháu T cơ sở chỉ liên lạc với ông C. Ngoài ra địa phương còn cung cấp thông tin ông C nhiều lần trình báo với địa phương về việc bà Ch thường xuyên đánh đập, ngược đãi cháu Nguyễn Thị Kim T, bà Ch còn đưa cháu T cùng đi buôn bán ngoài đường ảnh hưởng sức khỏe của cháu. Vào ngày 26 tháng 10 năm 2020, địa phương có lập biên bản về việc bà Ch có hành vi đánh đập cháu T, bà Ch đã cam kết không thực hiện hành vi ngược đãi cháu T nữa. Hiện nay ông C đang kinh doanh thớt gỗ, có cơ sở riêng tại nhà, thu nhập ổn định khoảng 20.000.000 đồng/tháng, có xác nhận của địa phương, bà Ch làm nghề buôn bán rau dọ, không có cơ sở riêng, thu nhập không ổn định.

Xét thấy, hiện nay cháu T đã trên 36 tháng tuổi. Ông C có đủ điều kiện để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức cho cháu T. Do đó, việc ông C yêu cầu giao con chung cho ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C tự nguyện không yêu cầu bà Ch phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ch về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân C được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ch.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 19/8/2017 cho ông Nguyễn Xuân C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Xuân C không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ch phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0047339 ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Trung Tín